

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HSST
Ngày: 22/6/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH TỈNH TÂY NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Lành**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Võ Quang Truyền** - Hiệu trưởng trường tiểu học Thị trấn huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Bà **Dương Thị Tư** - P. Chủ tịch Hội phụ nữ huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ngọc Lan**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Chí Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 32/2018/HSST ngày 28 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn H; Sinh năm: 1995. Tại: tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú, nơi cư trú hiện nay: khu phố X, phường Y, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 3/12. Con ông: Trần Văn Th, sinh năm: 1957; và bà: Lê Thị Mộng Tr, sinh năm: 1975; chưa có vợ con. Bị cáo bị tạm giữ ngày 22/3/2018, tạm giam ngày 28/3/2018 cho đến nay. Tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 2000 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan và là người đại diện hợp pháp anh T: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

2. Anh Nguyễn Văn T; sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: 58/21/1, Đường T, phường Z, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 13 giờ ngày 22/9/2017, do quen biết nên Nguyễn Văn T, sinh năm 2000, ngụ ấp H, xã H, huyện Hòa Thành điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter biển số 70G1 – 500.01 đến phòng trọ của Lê Văn H tại khu nhà trọ cho thuê tháng thuộc ấp Hiệp Long, xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh để chơi. Tại đây H hỏi mượn xe mô tô biển số 70G1 – 500.01 của T để đi công chuyện thì T đồng ý. Khi lấy được xe, H điều khiển về nhà mình tại khu phố X, phường Y, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 23/9/2017, H nói dối là xe của gia đình và

cầm (thế) cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, ngụ phường H, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang được 3.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài hết. Đến cuối tháng 9/2017, H tiếp tục đến gặp và bán xe cho vợ chồng anh T với giá 4.900.000 đồng. Sau khi cân trừ tiền nhận trước và lãi, vợ chồng anh T trả thêm cho H 1.500.000 đồng. Đến tháng 10/2017, do không có nhu cầu sử dụng xe nên anh T đã bán cho người thanh niên lạ mặt ở huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang giá 8.500.000 đồng, đến nay xe vẫn chưa thu hồi được. Sau khi bán xe, H biết T đã báo Công an nên bỏ trốn đến ngày 22/3/2018 quay về phòng trọ thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Thành, Tây Ninh bắt khẩn cấp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16/KLĐG-TTHS ngày 23/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Hòa Thành kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter biển số 70G1 – 500.01 có giá 31.000.000 đồng.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn T và vợ là chị Huỳnh Thị Thanh T khi mua xe, không biết xe do H phạm tội mà có, nên không xử lý hình sự là có căn cứ. Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Vật chứng chưa thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị cáo chiếm đoạt theo kết quả định giá trong tổ tụng là 31.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSND-HT, ngày 28/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trong phần tranh luận đã giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng Điểm a Khoản 1, Điều 140 năm 1999; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Văn H Từ 12 năm đến 18 tháng tù. Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 buộc bị cáo bồi thường số tiền 31.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. *Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hòa Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, Kiểm sát viên* trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về hành vi của bị cáo:* Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo, người bị hại tại Cơ quan điều tra; phù hợp vật chứng vụ án cùng với

các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 22/9/2017, bị cáo lợi dụng sự quen biết của người quen, nên bị cáo hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter biển số 70G1-500.01 trị giá 31.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T, sau đó bỏ trốn rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh T đem bán được 4.900.000 đồng để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Văn H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điểm a Khoản 1, Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự công cộng địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự; Do đó, cần áp dụng một mức hình phạt T nghiêm đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục, và phòng ngừa chung.

[4]. *Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không có.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Sau khi phạm tội, bị cáo có thái độ T thà khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuy hiện nay bị cáo không có tiền án, tiền sự; nhưng bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị kết án 18 tháng tù giam về “Tội trộm cắp tài sản”. Hội đồng xét xử cũng cần xem xét.

[5]. *Về các biện pháp tư pháp:* Xét yêu cầu anh T có căn cứ; Tại Tòa bị cáo đồng ý hoàn trả số tiền 31.000.000 đồng cho anh T. Hội đồng xét xử cần buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho anh T số tiền 31.000.000 đồng.

[7]. *Về án phí hình sự sơ thẩm:* Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự và 1.550.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Tuyên xử:

Bị cáo Lê Văn H **01 (một) năm 06 (sáu) tháng** tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam: 22/3/2018.

2. *Về các biện pháp tư pháp:* Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Văn H có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Văn T số tiền 31.000.000 (ba mươi một triệu) đồng.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo H chưa trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. *Về án phí:* Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.550.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Bị cáo
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án (L).

(Đã ký)

Huỳnh Thị Kim Lành